

## **THÔNG BÁO**

**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản  
(Quyền sử dụng đất các thửa đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu  
Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum)**

*Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư pháp về việc quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu Nhà nước để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt Phương án Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai Bãi bỏ, điều chỉnh một số nội dung Phương án Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum kèm theo Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai;*

*Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum; Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc phê duyệt giá khởi điểm Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.*

Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện Ia H'Drai thông báo công khai việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất các thửa đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum với các nội dung như sau:

**1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:**

Tên đơn vị: Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện Ia H'Drai.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:**

- Tên tài sản: Quyền sử dụng đất các thửa đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Danh mục loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí: Xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Diện tích, số lượng thửa đất: Tổng số thửa đất **26** thửa/Tổng diện tích **14.283,8 m<sup>2</sup>**.

- Tài sản gắn liền với đất: Không.

- Hạ tầng kỹ thuật: Hiện trạng đã được đầu tư xây dựng (các lô đất đã được san nền; hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, thoát nước, cây xanh... đã được đầu tư xây dựng hoàn thiện) đảm bảo việc sử dụng và kết nối với hạ tầng chung của khu vực.

**3. Hình thức và phương thức đấu giá.**

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu gián tiếp.

- Phương thức đấu giá: Theo phương thức trả giá lên

**4. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 13.219.971.400 đồng/26 thửa đất.**

*(Bằng chữ: Mười ba tỷ hai trăm mười chín triệu chín trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm đồng).*

*(Có Phụ lục I: Diện tích, giá Khởi điểm chi tiết kèm theo)*

#### **5. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

Tổ chức đấu giá tài sản có các tiêu chí đảm bảo theo quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 và Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 2 năm 2022 của Bộ Tư pháp về Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.
- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.
- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

*(Có Phụ lục II: Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm, tổ chức đấu giá tài sản theo Thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 2 năm 2022 của Bộ Tư pháp kèm theo).*

*\* Tổ chức đấu giá được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai (02) tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì lựa chọn một trong các tổ chức đấu giá tài sản đó dựa trên số điểm tại các nhóm tiêu chí theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản; (2) Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá; (3) Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả; (4) Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp; (5) Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.*

#### **6. Thành phần hồ sơ nộp đăng ký tham gia.**

- Văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất kèm phương án đấu giá (bản chính); đề xuất rõ mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá.
- Hồ sơ năng lực, pháp lý của tổ chức đấu giá tài sản.
- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh có dấu xác nhận của Tổ chức đấu giá tài sản về các tiêu chí đánh giá.

- Bản tự chấm điểm của đơn vị tham gia nộp hồ sơ tổ chức đấu giá theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tại Phụ lục II.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ bản giấy (được in bìa đóng thành quyển theo thứ tự của Bảng tiêu chí đánh giá tại Phụ lục II, đóng dấu xác nhận, giáp lai của Tổ chức đấu giá, được bỏ trong phong bì dán kín và đóng dấu niêm phong của Tổ chức đấu giá tài sản; hồ sơ đã nộp để đăng ký tham gia không được hoàn trả lại).

\* Tổ chức đấu giá tài sản tham gia nộp hồ sơ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ tham gia tổ chức đấu giá.

#### 7. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tổ chức đấu giá:

- Thời hạn nhận hồ sơ: Từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 26 tháng 9 năm 2023 (*trong giờ hành chính các ngày làm việc*).

- Hình thức tiếp nhận hồ sơ: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi bằng đường Bưu điện (*Trường hợp nộp hồ sơ bằng đường Bưu điện phải đảm bảo hồ sơ phải được gửi đến Ban quản lý Đầu tư và xây dựng huyện Ia H'Drai trong thời hạn nhận hồ sơ*).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện Ia H'Drai (*bộ phận phát triển quỹ đất*)

Địa điểm: Thôn 1, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Điện thoại: 02603.530.686

Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện Ia H'Drai thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết, đăng ký tham gia theo quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND huyện (thay b/c);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (đăng tin);
- Trang thông tin điện tử UBND huyện (đăng tin);
- Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện Ia H'Drai (đăng tin);
- Lưu: BQL.

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Chí Bảo**

## PHỤ LỤC I

**Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum**

*(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQL, ngày ...../..../2023 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện Ia H'Drai)*

ST T	Thửa đất số theo Quyết định đấu giá được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt	Tên đường	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá trị lô đất theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum		Giá trị lô đất theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum		Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất		
				Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (đồng/thửa)	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đồng/thửa)	Hệ số điều chỉnh (lần)
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8=4*5*7	9	10=4*9	11=9/5
<b>I</b>	<b>Lô đất MDT12</b>		<b>4.502,7</b>		<b>900.540.000</b>		<b>2.701.620.000</b>		<b>3.975.884.100</b>	
1	Thửa số 8	Đường ĐĐT36	597,4	200.000	119.480.000	3,00	358.440.000	883.000	527.504.200	4,42
2	Thửa số 9	Đường ĐĐT36	577,4	200.000	115.480.000	3,00	346.440.000	883.000	509.844.200	4,42
3	Thửa số 10	Đường ĐĐT36	570,1	200.000	114.020.000	3,00	342.060.000	883.000	503.398.300	4,42
4	Thửa số 11	Đường ĐĐT36	564,9	200.000	112.980.000	3,00	338.940.000	883.000	498.806.700	4,42
5	Thửa số 12	Đường ĐĐT36	540,6	200.000	108.120.000	3,00	324.360.000	883.000	477.349.800	4,42
6	Thửa số 13	Đường ĐĐT36	533,6	200.000	106.720.000	3,00	320.160.000	883.000	471.168.800	4,42
7	Thửa số 14	Đường ĐĐT36	546,4	200.000	109.280.000	3,00	327.840.000	883.000	482.471.200	4,42
8	Thửa số 15	Đường ĐĐT36	572,3	200.000	114.460.000	3,00	343.380.000	883.000	505.340.900	4,42
<b>II</b>	<b>Lô đất MDT13</b>		<b>5.592,3</b>		<b>1.118.460.000</b>		<b>3.355.380.000</b>		<b>4.938.000.900</b>	
9	Thửa số 20	Đường ĐĐT36	516,3	200.000	103.260.000	3,00	309.780.000	883.000	455.892.900	4,42
10	Thửa số 21	Đường ĐĐT36	516,4	200.000	103.280.000	3,00	309.840.000	883.000	455.981.200	4,42
11	Thửa số 22	Đường ĐĐT36	522,0	200.000	104.400.000	3,00	313.200.000	883.000	460.926.000	4,42
12	Thửa số 23	Đường ĐĐT36	558,0	200.000	111.600.000	3,00	334.800.000	883.000	492.714.000	4,42
13	Thửa số 24	Đường ĐĐT36	528,4	200.000	105.680.000	3,00	317.040.000	883.000	466.577.200	4,42

14	Thửa số 25	Đường ĐĐT36	536,7	200.000	107.340.000	3,00	322.020.000	883.000	473.906.100	4,42
15	Thửa số 26	Đường ĐĐT36	578,7	200.000	115.740.000	3,00	347.220.000	883.000	510.992.100	4,42
16	Thửa số 27	Đường ĐĐT36	625,5	200.000	125.100.000	3,00	375.300.000	883.000	552.316.500	4,42
17	Thửa số 28	Đường ĐĐT36	606,5	200.000	121.300.000	3,00	363.900.000	883.000	535.539.500	4,42
18	Thửa số 29	Đường ĐĐT36	603,8	200.000	120.760.000	3,00	362.280.000	883.000	533.155.400	4,42
<b>III</b>	<b>Lô đất MDT14</b>		<b>4.188,8</b>		<b>753.984.000</b>		<b>2.261.952.000</b>		<b>4.306.086.400</b>	
19	Thửa số 25	Đường ĐĐT37	598,3	180.000	107.694.000	3,00	323.082.000	1.028.000	615.052.400	5,71
20	Thửa số 26	Đường ĐĐT37	480,0	180.000	86.400.000	3,00	259.200.000	1.028.000	493.440.000	5,71
21	Thửa số 27	Đường ĐĐT37	480,0	180.000	86.400.000	3,00	259.200.000	1.028.000	493.440.000	5,71
22	Thửa số 28	Đường ĐĐT37	480,0	180.000	86.400.000	3,00	259.200.000	1.028.000	493.440.000	5,71
23	Thửa số 29	Đường ĐĐT37	480,0	180.000	86.400.000	3,00	259.200.000	1.028.000	493.440.000	5,71
24	Thửa số 30	Đường ĐĐT37	484,6	180.000	87.228.000	3,00	261.684.000	1.028.000	498.168.800	5,71
25	Thửa số 31	Đường ĐĐT37	705,9	180.000	127.062.000	3,00	381.186.000	1.028.000	725.665.200	5,71
26	Thửa số 32	Đường ĐĐT37	480,0	180.000	86.400.000	3,00	259.200.000	1.028.000	493.440.000	5,71
	<b>Tổng cộng</b>		<b>14.283,8</b>		<b>2.772.984.000</b>		<b>8.318.952.000</b>		<b>13.219.971.400</b>	

## PHỤ LỤC II

### TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQL, ngày ...../...../2023 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện Ia H'Drai)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>23,0</b>
<b>1</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>11,0</b>
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
<b>2</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>8,0</b>
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
<b>3</b>	<b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>	<b>2,0</b>
<b>4</b>	<b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>	<b>1,0</b>
<b>5</b>	<b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>	<b>1,0</b>
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>22,0</b>
<b>1</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</b>	<b>4,0</b>
<b>2</b>	<b>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>	<b>4,0</b>

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
<b>III</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>45,0</b>
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)  Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0



<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC TỐI ĐA</b>
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<b><i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i></b> <b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i></b>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<b><i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</i></b> <b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i></b>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0
5	<b><i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i></b> <b><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i></b>	4,0

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC TỐI ĐA</b>
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
<b>6</b>	<b><i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i></b>	<b>5,0</b>
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
<b>7</b>	<b><i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i></b>	<b>3,0</b>
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
<b>8</b>	<b><i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i></b>	<b>1,0</b>
<b>IV</b>	<b><i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i></b>	<b>5,0</b>
<b>1</b>	<b><i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i></b>	<b>3,0</b>
<b>2</b>	<b><i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i></b>	<b>4,0</b>
<b>3</b>	<b><i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ</i></b>	<b>5,0</b>

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>MỨC TỐI ĐA</b>
	<i>Tài chính)</i>	
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>5,0</b>
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>
<b>VI</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
<b>1</b>	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
<b>2</b>	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>

### **Ghi chú:**

1. Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản, ví dụ: quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thuộc tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất bị kê biên theo pháp luật về thi hành án dân sự thuộc tài sản thi hành án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất thế chấp cho tổ chức tín dụng và được tổ chức tín dụng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thuộc tài sản bảo đảm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.

2. Năm trước liền kề tại mục 1, mục 2, mục 6 và mục 8 Phần III Phụ lục I Thông tư này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

4. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản không được yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.